

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 406/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
về “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Súc

2. Ông Võ Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐXXST- HN ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa:

1. **Nguyên đơn:** chị Võ Thị Kim T, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: số C, ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Số điện thoại: 0398.343.660;

2. **Bị đơn:** anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: số 204, tổ G, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0977.002.928;

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải chị Võ Thị Kim T trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Ngọc N do mai mối, sau thời gian tìm hiểu được hai

bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới năm 2008, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 191/2010 ngày 08 tháng 12 năm 2010.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh N, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát hiện anh N cờ bạc gây nợ, chị phải đứng ra trả nợ thay cho anh N, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được, vợ chồng cùng làm ruộng nhưng tiền bạc không có dư do phải lo cho con nhỏ ăn học, chị thì bị gia đình bên chồng nghi ngờ đem tiền riêng về nhà cha mẹ ruột, nên thường xuyên chịu áp lực từ gia đình chồng về chuyện tiền bạc, anh N đi thăm ruộng thường say xỉn mỗi ngày nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cả hai không còn quan tâm đến đời sống vợ chồng dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến tháng 02 năm 2023, do anh N nhiều lần xúc phạm đến danh dự của chị và đuổi chị, lời nói không tôn trọng cha mẹ ruột chị, nên chị dẫn 02 con chung về nhà cha mẹ ruột ở huyện T, TP Cần Thơ sinh sống và đăng ký nhập học cho 02 con chung tại thành phố Cần Thơ, từ đó vợ chồng ly thân đến nay, hai bên không liên lạc nhau, nay chị kiên quyết không muốn hàn gắn do tình cảm đã không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, vì vậy chị xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Cao T1, sinh ngày 27/12/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2011, hiện 02 con do chị đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho 02 con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc N trình bày: Anh và chị Võ Thị Kim T sau thời gian tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới năm 2008, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 191/2010 ngày 08 tháng 12 năm 2010. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ anh, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, anh làm ăn (làm ruộng) lo cho gia đình nhưng thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc chứ không mâu thuẫn gì lớn. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Cao T1, sinh ngày 27/12/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2011, hiện 02 con do chị T đang nuôi dưỡng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Cao T1 không yêu cầu T cấp dưỡng, đồng ý để T nuôi con chung là cháu Q, mỗi người nuôi 1 đứa không ai phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú

Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật,

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị được xác lập do mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới năm 2008, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2010 ngày 08 tháng 12 năm 2010, thời gian đầu hạnh phúc đến 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn chị T đưa 2 con về cha mẹ ruột ở huyện T, TP Cần Thơ sinh sống rồi vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không chủ động đề hàn gắn từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn anh N cũng đồng ý, vì vậy đề nghị hội đồng xét xử (HĐXX) công nhận thuận tình ly hôn của chị T với anh N theo Điều 55 Luật HNGĐ năm 2014

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao T1, sinh ngày 27/12/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2011, hiện 02 con do chị T đang nuôi dưỡng, ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng; hiện hai cháu có nguyện vọng sống với chị T. Nhận thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 2 cháu, từ khi ly thân đến nay 2 cháu cũng được chăm sóc chu đáo ổn định, Tuy anh N cũng có nguyện vọng nuôi cháu T1, nhưng hiện nay hai cháu nhập học để ổn định cho việc học hành, do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh N, giao 2 cháu cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh N cư trú: xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Nên chị T khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị T yêu cầu ly hôn và nuôi con khi ly hôn, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2008 do mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh

N, thời gian đầu hạnh phúc đến 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trong việc sinh hoạt và kinh tế gia đình chị T đưa 2 con về bên gia đình cha mẹ ruột sinh sống vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không chủ động đề hàn gắn, mà mọi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn anh N cũng đồng ý, vì vậy để anh chị có cuộc sống riêng sau này nên hội đồng xét xử (HĐXX) công nhận thuận tình ly hôn của chị T với anh N theo Điều 55 Luật HNGĐ năm 2014

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao T1, sinh ngày 27/12/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2011, hiện 02 con do chị T đang nuôi dưỡng, ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 2 cháu, từ khi ly thân đến nay 2 cháu cũng được chăm sóc chu đáo ổn định, hai cháu có nguyện vọng sống với chị T, hai cháu cũng chuẩn bị nhập học để ổn định cho việc học tập và cuộc sống cho hai cháu sau này, do đó HĐXX giao hai cháu cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nếu chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng, hạn chế việc thăm nom của anh N, thì anh N có quyền thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nêu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh N và chị T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: chị Võ Thị Kim T là người xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 55 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;
- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Kim T với anh Nguyễn Ngọc N.

- Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao 2 cháu tên Nguyễn Cao T1, sinh ngày 27/12/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2011 cho chị Võ Thị Kim T nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh N không phải cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: không đặt ra để giải quyết

- Về án phí sơ thẩm: chị Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006009 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, anh Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Chiến